

瑞穂市立の幼稚園・小中学校施設の耐震診断結果一覧表

建物区分	建築年月	構造	階数	床面積 m ²	棟名	耐震診断		耐震改修		
						年度	Is値	年度	改修後Is値	
小学校	穂積小学校	S43.6	RC	3	1,941	北舎(西)	H16	0.74		
		S48.4	RC	3	2,282	中舎	H16	0.35	H17	0.77
		S50.3	RC	3	1,607	北舎(東)	H16	0.82		
		S51.11	RC	3	2,030	南舎	H16	0.57	H17	1.26
		H11.2	RC	2	1,335	屋内体育館				
	本田小学校	S45.3	RC	3	1,651	校舎(西)	H9	0.87		
		S45.3	RC	3	2,113	校舎(東)	H9	0.87		
		H17.3	RC	2	728	図書室棟				
		S61.2	RC	1	918	屋内体育館				
	牛牧小学校	S44.5	RC	3	2,388	南舎	H26	0.40	H27	0.75
		S44.5	RC	3	1,941	中舎	H26	0.40	H27	0.75
		S55.5	RC	4	1,749	北舎	H10	0.88		
		H28.3	RC	3	1,073	増築校舎				
		H1.2	RC	1	947	屋内体育館				
	生津小学校	S54.2	RC	3	2,932	校舎(東)	H9	0.79		
		H8.2	RC	3	1,836	校舎(西)				
		S55.2	RC	1	670	屋内体育館	H9	2.11		
	南小学校	S54.1	RC	2	519	東舎	H15	1.12		
		S49.3	RC	3	928	北舎(東)	H15	1.10		
		S50.3	RC	3	926	北舎(西)	H15	1.10		
		S59.3	RC	3	1,208	南舎(一部増築分含む)				
		H20.3	RC	3	294	南舎増築分(西)				
		H20.3	RC	3	306	南舎増築分(東)				
		S56.1	RC	1	738	屋内体育館	H15	1.43		
	西小学校	S53.12	RC	2	529	北舎	H15	1.12		
		S55.3	RC	3	2,784	南舎	H15	0.73		
		S58.2	RC	2	958	屋内体育館				
	中小学校	S53.3	RC	3	1,082	校舎(西)	H15	1.10		
		S53.5	RC	3	2,040	校舎(東)	H15	1.10		
		S60.3	RC	2	1,002	屋内体育館				
中学校	穂積中学校	S47.10	RC	3	3,339	南舎	H19	0.71		
		H22.3	RC	4	6,067	新校舎				
		S47.1	RC	1	353	技術棟	H19	2.10		
		S63.3	RC	2	2,573	屋内体育館				
	穂積北中学校	S59.2	RC	3	2,145	南舎				
		S59.2	RC	3	630	中舎				
		S59.2	RC	3	4,482	北舎				
		S59.2	RC	2	2,305	屋内体育館				
	巢南中学校	S45.3	RC	3	2,455	校舎(西)	H15	0.37	H16	0.83
		S57.3	RC	3	1,287	校舎(東)	H15	1.55		
		S56.3	R	1	741	柔剣道場	H16	0.42	H16	1.03
		H4.3	RC	2	2,255	屋内体育館	H16			
	幼稚園	ほづみ幼稚園	S43.10	R	1	428	管理棟	H18	0.88	
S43.10			RC	2	431	A棟(南西)	H8	0.77		
S43.10			RC	1	266	C棟(北東)	H8	1.79		
S43.10			RC	1	280	遊戯室	H8	2.50		
S48.4			RC	2	488	B棟(南東)	H21	0.34	H21	0.82
S56.2			R	1	164	造形室	H21	0.54	H21	1.93

※この表は、主な棟を抜粋して掲載しています。